TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HÀ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải Hà, ngày 24 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 39, khoản 2 Điều 149, các Điều 212, 213, 361, 371, 396 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Chị Hứa Thị Cẩm T, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Quảng Thành, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;

2/. Anh Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Phố H, thị trấn Q, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hồng T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/9/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm và làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn những tình cảm vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh chị có một con chung là Nguyễn Kim A sinh ngày 31/3/2014; nay ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 03/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp

luật.

[3] Về tài sản chung: anh chị thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh chị thỏa thuận để anh T1 nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần được công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hứa Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hồng T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh chị có một con chung là Nguyễn Kim A sinh ngày 31/3/2014; nay ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 03/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hứa Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hồng T1 thống nhất không có tài sản chung; đến nay không vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự ly hôn theo quy định, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0006822 ngày 26/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hải Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- UBND thị trấn Q, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nông Thúy Chính